

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2026/HS-ST**
Ngày 12 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Quý
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Hồ Quốc Thánh và ông Lê Văn Lượng

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chi – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Điều Đức T1, sinh ngày 08/05/1991 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố G, phường N, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều Văn C, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Thiên H, sinh năm 1964; vợ con: không có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2025 đến ngày 29/8/2025, sau đó chuyển qua biện pháp bảo lãnh cho đến nay; có mặt.

2. Trần Đình P, sinh ngày 19/7/1995 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố A, phường N, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình L (đã chết) và bà Trần Thị Kim C1, sinh năm 1974; vợ con: không có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2025 đến ngày 29/8/2025 sau đó chuyển qua biện pháp bảo lãnh cho đến nay; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố I, phường N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố I, phường N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 04/6/2025, Trần Đình P gọi điện thoại cho Diêu Đức T1 rủ lên huyện H (cũ) tìm hàng hóa nông sản rồi vận chuyển về Đ kiểm tiền công, T1 đồng ý. Sau đó, T1 và P đến thuê xe ô tô biển kiểm soát 43D-007.39 của bà Lê Thị Ánh T và ông Lê Văn H1 (trú tại: Khu phố I, phường N, tỉnh Quảng Trị). Sau khi thuê được xe, P điều khiển xe chở T1 lên đến đoạn xã T, huyện H (nay là xã L) thì có một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) thuê T1, P vận chuyển 06 thùng thuốc lá điều nhãn hiệu JET, 10 két rượu Royal Salute và 200 thùng bia H2 về Đ với tiền công 1.000.000 đồng. Biết rõ hàng cấm nhưng T1, P vẫn đồng ý vận chuyển, tiền công sẽ chia đôi. Sau đó, hai bị cáo đi theo người này lấy số hàng hóa nêu trên rồi xếp số hàng hóa đó lên xe. Người đàn ông thuê vận chuyển yêu cầu T1 và P đưa về bãi rác trên đường Đ, phường N sẽ có người đến nhận và trả tiền công. T1 điều khiển xe còn P ngồi bên ghế phụ. Khi xe đến địa phận thuộc thôn N, xã H, tỉnh Quảng Trị thì bị Tổ công tác Công an tỉnh Q dừng xe kiểm tra, phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong toàn bộ tang vật theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định số: 652/KL-KTHS ngày 12/6/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: 3000 bao thuốc lá ghi nhãn hiệu JET, được đóng gói trong 300 hộp giấy, ghi nhãn hiệu JET, được niêm phong trong 06 thùng giấy cát tông ghi ký hiệu A1-A6 gửi đến giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm (loại 20 điếu/bao) không phải là thuốc lá điều sản xuất tại Việt Nam (do nước ngoài sản xuất).

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSKV5 ngày 09/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 đã truy tố các bị cáo Diêu Đức T1 và Trần Đình P về tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Quảng Trị giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Diêu Đức T1 và Trần Đình P phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

- Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 191, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Diêu Đức T1: từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách không quá 05 năm. Xử phạt bổ sung: 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 191, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Đình P: từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Xử phạt bổ sung: 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Về vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy số bao thuốc lá JET còn lại sau giám định.

+ Trả lại cho 02 bị cáo 02 điện thoại Iphone 11 Promax vì các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội.

+ Đối với xe ô tô BKS 43D-007.39, do chủ sở hữu không biết việc dùng xe để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại là đúng pháp luật.

+ Đối với sổ rượu và bia, đã chuyển cơ quan chuyên môn xử lý hành chính do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự.

- Về án phí: đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: ngày 04/6/2025, bị cáo Diêu Đức T1 và Trần Đình P thuê xe ô tô lên xã L vận chuyển cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch 3000 (ba nghìn) bao thuốc lá nhãn hiệu JET để nhận 1.000.000 đồng tiền công, khi đang vận chuyển về đến địa phận xã H thì bị phát hiện, bắt giữ. Kết luận giám định đã khẳng định: 3.000 bao thuốc lá nhãn hiệu JET, gửi đến giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm, do nước ngoài sản xuất. Lời khai của các bị cáo phù hợp với kết quả giám định và các chứng cứ khác, đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định: “1. Người nào ... vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây..., thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: ...e) Thuốc lá điều nhập lậu từ 3.000 bao đến dưới 4.500 bao”...

Trong vụ án này, các bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý, nhận thức rõ thuốc lá nhập lậu là hàng cấm nhưng vì lợi ích cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về quản lý hàng cấm, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vị trí, vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình (được chính quyền địa phương xác nhận). Riêng bị cáo Diêu Đức T1 có thời gian tham gia quân đội, bố là cựu chiến binh được tặng Kỷ niệm chương, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo án treo cũng đủ để răn đe, cảnh tỉnh đồng thời giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Các vấn đề khác: quá trình điều tra không xác định được tên, địa chỉ của người thuê các bị cáo vận chuyển hàng cấm nên không xem xét xử lý.

[7] Về vật chứng và tài sản thu giữ:

[7.1] Số thuốc lá Jet sau giám định là vật chứng cấm lưu hành; các vật dụng dùng để đựng số thuốc lá Jet là vật chứng không có giá trị sử dụng nên áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Cơ quan điều tra đã thu giữ của 02 bị cáo 02 điện thoại Iphone 11 Promax, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ, các bị cáo không sử dụng các điện thoại này vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

[7.3] Đối với xe ô tô BKS 43D-007.39, các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nhưng do chủ sở hữu bà Lê Thị Ánh T và ông Lê Văn H1 không biết việc các bị cáo dùng xe để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại là đúng pháp luật.

[7.4] Đối với số rượu và bia thu giữ của các bị cáo, cơ quan điều tra đã chuyển cơ quan chuyên môn xử lý hành chính do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Diêu Đức T1 và Trần Đình P phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

2. Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 191, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Diêu Đức T1: 02 (Hai) năm 06 (sáu)

tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/01/2026). Xử phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

3. Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 191, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình P: 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/01/2026). Xử phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Giao bị cáo Diêu Đức T1 và Trần Đình P cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về vật chứng và tài sản thu giữ: áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Số thuốc lá còn lại sau giám định được đựng trong 06 thùng giấy niêm phong bên ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an tỉnh Q, ký hiệu A1 đến A6 (Kèm theo Kết luận giám định số 652/KL-KTHS ngày 12/6/2025; Biên bản trích mẫu và giao, nhận lại đối tượng giám định ngày 06/6/2025 của Phòng K- Công an tỉnh Q;

+ 06 bao gai màu xanh, bên ngoài được dán băng keo màu vàng và băng keo trong suốt, ký hiệu từ 1 đến 6; 06 bao ni lông trong suốt, ký hiệu 1.1B, 2.1B, 3.1B, 4.1B, 5.1B, 6.1B;

+ 06 thùng giấy, ký hiệu 1.1, 2.1, 3.1, 4.1, 5.1, 6.1;

- Trả lại cho bị cáo Diêu Đức T1: 01 điện thoại Iphone 11 Promax, màu xanh lục, số máy MWGJ2LL/A, IMEI 35 285011 276802 5, bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel, có dãy số 8984048000312496625;

- Trả lại cho bị cáo Trần Đình P: 01 điện thoại Iphone 11 Promax, màu vàng hồng, số máy MWFC2LL/A, IMEI 35 389810 341825 7, bên trong gắn 01 thẻ sim Vinaphone, có dãy số 89840200011660885029.

(Số vật chứng trên có tại Phòng THADS Khu vực 5, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/01/2026).

5. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND KV 5;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS KV5;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý